

Bản án số: 251/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2024

V/v “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn,  
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG  
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Tân Phước;

2. Bà Dương Thị Thúy Duy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 138/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn, nợ chung, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 295/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 354/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị H**, sinh năm 1991; cư trú: **Tổ B, khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang**;

Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh D**, sinh năm 1985; cư trú: **Tổ B, khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang**.

(Tại phiên tòa tất cả vắng mặt; bà H có đơn)

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Bùi Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông D là do mai mối được cha mẹ đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã không tìm được tiếng nói chung. Ngoài ra, do ông D cờ bạc, nhậu nhẹt không quan tâm chăm lo cho gia đình và dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm đến bà. Ông bà đã không sống chung với nhau từ năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Kim X, sinh ngày 08/11/2007 và Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 28/01/2009, hiện nay con chung đang sống cùng với bà H. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải tình cảm mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông D.

Cháu Nguyễn Thị Kim X và Nguyễn Thị Ngọc N có biên bản ghi nhận ý kiến: Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, hai cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, không yêu cầu gì về cha.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông D theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà H, ông D để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo Thông báo số định danh cá nhân ngày 28/5/2024 do Công an thị trấn L cung cấp thể hiện ông Nguyễn Thanh D vẫn còn hộ khẩu tại ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang, chưa có thông tin thực hiện tách chuyển đi nơi khác.

Về tình trạng hôn nhân: Bà Lê Thị Bích V – mẹ ruột của ông D cho biết hôn nhân của ông D và bà H đúng như lời bà H trình bày. Nguyên nhân khiến cho bà H xin ly hôn là do hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi với nhau. Ông D có ăn nhậu nhưng không có việc bài bạc, ông D có chửi và đuổi bà H nhưng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình không trầm trọng đến mức phải ly hôn, trước đây hai vợ chồng vẫn hay cự cãi như vậy nhưng đều hàn gắn lại. Khoảng một năm trước, ông bà mâu thuẫn thì bà H bỏ nhà đi cho đến nay. Ông D có liên hệ hàn gắn tình cảm nhưng bà H không đồng ý. Nay bà H xin ly hôn, bà không có ý kiến, để ông bà tự quyết định.

Tại phiên tòa, bà H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, ông D đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Bà H và ông D không đăng ký kết hôn nên đề nghị tuyên không công nhận vợ chồng và chấp nhận nguyện vọng của con chung được tiếp tục sống với mẹ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà **H** chung sống với ông **D** đến nay thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung, nợ chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông **D** hiện có địa chỉ cư trú tại **thị trấn L, huyện A**. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà **Bùi Thị H**, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà **H** và ông **D** tiến đến hôn nhân là do mai mối, chung sống, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn nên không được xem là hôn nhân hợp pháp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình “*Không đăng ký kết hôn mà yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...*”. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà **H** và ông **D** là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên **Nguyễn Thị Kim X**, sinh ngày 08/11/2007 và **Nguyễn Thị Ngọc N**, sinh ngày 28/01/2009, hiện nay con chung đang sống cùng với bà **H**. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, hiện cháu **X** và cháu **N** do bà **H** nuôi dạy, chăm sóc, tình cảm mẹ con gắn bó, việc thay đổi chỗ ở và hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của các cháu sau này. Quan trọng hơn, cháu **X** và cháu **N** có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà **H** nên việc tiếp tục giao con chung cho bà **H** nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh hiện tại và quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi

con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 53, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Thanh D là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Bùi Thị H được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Kim X, sinh ngày 08/11/2007 và Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 28/01/2009. Công nhận tự nguyện của bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà **Bùi Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009415 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (Bà **H** đã nộp đủ). Ông **D** không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/6/2024) thời hạn kháng cáo của bà **H** và ông **D** được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.